

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ**

**Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐ/UBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10/02/2006 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 05/08/2011 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 3300101011), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GTH.

**Vốn điều lệ:** 24.000.000.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2013:** 24.000.000.000 đồng.

**Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:**

- Chi nhánh Quảng Trị;
- Đội liên kết xây dựng số 1;
- Đội liên kết xây dựng số 2;
- Đội liên kết xây dựng số 3;
- Đội liên kết xây dựng số 4;
- Đội liên kết xây dựng số 7;
- Xí nghiệp Xây lắp 6;
- Xí nghiệp Xây lắp 9;
- Xí nghiệp Xây lắp 12;
- Xí nghiệp Xây lắp 19;
- Xí nghiệp Xây lắp 22;
- Xí nghiệp Thi công Cầu;
- Xí nghiệp Khai thác đá và xây dựng công trình;
- Xí nghiệp Xây dựng Giao thông số 1;
- Nhà máy gạch Tuynen Hải Lăng;
- Xí nghiệp Cơ khí;
- Cửa hàng Xăng dầu An Lễ.
- Xí nghiệp Xây dựng Tổng hợp 5;
- Xí nghiệp Xây dựng tổng hợp 10.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Lô 77, đường Phạm Văn Đồng, Khu Quy hoạch Nam Võ Dạ, TP Huế,  
Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: (84) 054. 3812849
- Fax: (84) 054. 3823846
- Website: [www.xdgt-tth.com.vn](http://www.xdgt-tth.com.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng, sửa chữa, tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị;
- Thi công lưới điện hạ thế và hệ thống cấp nước sinh hoạt;
- Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định, đại lý vận tải;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 305 người, trong đó nhân viên gián tiếp 80 là người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phạm Văn Đức    | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Đăng Bảo | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |
| • Ông Trần Chính      | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |
| • Bà Ngô Thị Lệ Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2009     |

### **Ban Kiểm soát**

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Trí Đàm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/06/2012     |
| • Ông Phan Quốc Việt | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2009 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

• Ông Phạm Văn Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2009
• Ông Dương Việt Sum	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/05/2009
• Ông Nguyễn Đăng Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/12/2009
• Ông Trần Phúc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/12/2009
• Ông Trần Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/05/2012
• Bà Ngô Thị Lệ Hương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2009

### **Kiểm toán độc lập**

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ tại Đà Nẵng (Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà DANABOOK, 76 -78 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3828283; Fax: (84) 0511.3828281).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Phạm Văn Đức

Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế, được lập ngày 18/03/2014, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) Chi nhánh Đà Nẵng



**Trần Hiến**  
Phó Giám đốc

Giấy CNDKHN số 1400-2013-070-1

**Phan Duy Phước**  
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số 1447-2013-070-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 và các quy định sửa đổi bổ sung có  
 liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>170.165.885.097</b>	<b>165.559.156.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.617.641.059</b>	<b>10.299.247.245</b>
1. Tiền	111	5	11.617.641.059	10.299.247.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.413.248.090</b>	<b>66.515.715.679</b>
1. Phải thu khách hàng	131		44.689.205.472	52.193.849.933
2. Trả trước cho người bán	132		17.367.520.490	15.005.536.434
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.514.782.632	2.474.589.816
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.158.260.504)	(3.158.260.504)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>72.355.298.887</b>	<b>63.847.708.906</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	72.355.298.887	63.847.708.906
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.779.697.061</b>	<b>24.896.485.020</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	394.842.935	646.995.062
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	24.384.854.126	24.249.489.958
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.586.719.242</b>	<b>64.859.929.948</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.635.797.674</b>	<b>62.234.667.670</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.346.376.361	61.843.370.646
- Nguyên giá	222		117.233.666.958	119.208.425.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.887.290.597)	(57.365.055.241)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	289.421.313	391.297.024
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.950.921.568</b>	<b>2.625.262.278</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.815.750.068	2.490.090.778
2. Tài sản dài hạn khác	268	13	135.171.500	135.171.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>224.752.604.339</b>	<b>230.419.086.798</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>193.790.917.784</b>	<b>200.545.498.021</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>161.036.451.424</b>	<b>163.102.073.268</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	81.834.827.620	80.702.422.259
2. Phải trả người bán	312		31.654.178.455	26.901.735.773
3. Người mua trả tiền trước	313		21.144.377.026	31.700.534.125
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	13.862.720.439	12.768.522.582
5. Phải trả người lao động	315		1.966.450.903	1.439.343.139
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	10.380.672.820	9.185.541.229
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		193.224.161	403.974.161
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.754.466.360</b>	<b>37.443.424.753</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		29.604.791.690	28.523.331.894
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	3.149.674.670	8.920.092.859
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.961.686.555</b>	<b>29.873.588.777</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>30.961.686.555</b>	<b>29.873.588.777</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	(60.000.000)	(60.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	3.687.636.933	3.687.636.933
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	559.488.350	559.488.350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	18	945.955.533	945.955.533
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	1.828.605.739	740.507.961
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>224.752.604.339</b>	<b>230.419.086.798</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	5.535.322.380	5.535.322.380

Tổng Giám đốc  
  
 Phạm Văn Đức

Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng



Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hậu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 và các quy định sửa đổi bổ sung có  
 liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	192.453.346.075	226.105.667.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	524.609.334	944.112.035
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	191.928.736.741	225.161.555.771
4. Giá vốn hàng bán	11	20	168.319.926.491	198.059.132.887
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>23.608.810.250</b>	<b>27.102.422.884</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	32.435.230	189.540.457
7. Chi phí tài chính	22	22	10.948.444.096	16.722.951.166
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.948.444.096</i>	<i>16.722.951.166</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.845.737.899	6.493.316.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.360.586.631	2.816.943.507
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.486.476.854</b>	<b>1.258.752.098</b>
11. Thu nhập khác	31	23	287.458.653	408.543.297
12. Chi phí khác	32	24	1.026.899.310	585.093.989
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(739.440.657)</b>	<b>(176.550.692)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>25</b>	<b>2.747.036.197</b>	<b>1.082.201.406</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	938.938.419	379.813.098
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>25</b>	<b>1.808.097.778</b>	<b>702.388.308</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	753	293

**Tổng Giám đốc**  
  
**Phạm Văn Đức**

Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2014

**Kế toán trưởng**



**Ngô Thị Lê Hương**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Văn Hậu**

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi bổ  
 sung có liên quan của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	176.160.236.471	246.035.803.385
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(184.027.874.423)	(215.945.007.707)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.889.654.319)	(21.371.684.871)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10.948.444.096)	(16.722.951.166)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(909.539.317)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	108.899.354.494	107.089.935.313
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(64.142.787.597)	(82.753.611.998)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.141.291.213</b>	<b>16.332.482.956</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(504.778.454)	(3.086.267.192)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	287.458.653	109.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.435.230	189.540.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(184.884.571)</b>	<b>(2.787.635.826)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	86.281.362.735	112.814.339.066
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.919.375.563)	(126.055.283.699)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.440.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.638.012.828)</b>	<b>(14.680.944.633)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.318.393.814</b>	<b>(1.136.097.503)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.299.247.245	11.435.344.748
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.617.641.059</b>	<b>10.299.247.245</b>



Phạm Văn Đức

Huế, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Ngô Thị Lệ Hương

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây dựng Giao thông Thừa Thiên Huế thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 139/QĐ/UBND ngày 16/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10/02/2006 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 05/08/2011 với số chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 3300101011), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 64/2009/GCNCP-VSD ngày 02/10/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GTH.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng, sửa chữa, tư vấn, khảo sát và thiết kế các công trình giao thông;
- San lấp mặt bằng hạ tầng đô thị;
- Thi công lưới điện hạ thế và hệ thống cấp nước sinh hoạt;
- Cung ứng phương tiện vật tư thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, khai hoang đồng ruộng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định, đại lý vận tải;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về bổ sung, sửa đổi có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.